

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṅgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sārvartha pravādhani, sarva maṅgala-sādhani, manasi, manasi, mahā-manasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amare, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, mṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

Minh Chú này có công năng bảo vệ đất nước, dứt trừ tai nạn, cầu mưa, ngưng mưa, trừ bệnh, sống lâu, sinh sống an ổn... đặc biệt là trừ khử các chất độc, trùng độc; diệt trừ nhóm phiền não **tham, sân, si, mạn, nghi**... khiến cho mau chóng thành tựu Phật Quả

*) Ý nghĩa căn bản của Minh Chú này là:

Namo buddhāya: Quy y Phật

Namo dharmāya: Quy y Pháp

Namo saṃghāya: Quy y Tăng

Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñah: Quy y Kim Diệu Không Tước Minh Vương

Namo mahā-mayūrye vidya-rājñi: Quy y Đại Không Tước Minh Phi

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

siddhe susiddhe: Thành tựu, khéo thành tựu

mocani: Giải thoát, độ thoát

mokṣaṇi: giải phóng, giải thoát

mukti: hay giải thoát

vimukti: hay giải thoát khắp

amale: vô cầu, không có dơ bẩn

vimale: ly cầu, xa lìa sự dơ bẩn

maṅgale: cát khánh, sự vui sướng tốt lành

hiraṇya-garbhe: như Kim Tạng

ratna-garbhe: như bảo tạng

sarvārtha sādhani: nghi thức của tất cả nghĩa lợi

paramārtha sādhani: nghi thức lợi ích tối thắng, nghi thức của Đệ Nhất Nghĩa

bhadre, subhadre, samanta-bhadre: như hiền, như diệu hiền, như phổ hiền

sārvartha: tất cả nghĩa lợi

pravādhani: mở đây tài sản

sarva maṅgala-sādhani: tất cả nghi thức tốt lành

manasi, manasi, mahā-manasi: ý chí, ý chí, ý chí lớn

adbhute: hiếm có, kỳ đặc, điều chẳng thể nghĩ bàn

atyadbhute: rất hiếm lạ, chưa từng có

acyute: kiên định, chẳng thoái lui

ajare: không có bụi dơ, thanh tịnh

vijare: xa lìa bụi dơ

vimale: xa lìa sự dơ bẩn

amṛte: Cam Lộ bất tử

amare: không có chết, không có hoại

amaraṇi: chẳng có hoại, chẳng có chết

brahme: như Phạm Thiên

brahma-svare: âm thanh của Phạm Thiên
pūrṇe, pūrṇa manorathe: đầy đủ, ý nguyện mong cầu được đầy đủ
mṛta saṃjivani: khi chết được sống lại
śrībhadre: như Cát Tường Hiền
candre, candra-prabhe: như mặt trăng, như ánh sáng của mặt trăng
sūrye, sūryakānte: như mặt trời, như hỏa tinh
vītabhaye: rất can đảm chẳng sợ hãi
suvarṇi: diệu sắc, hình sắc màu nhiệm
brahmaghoṣe: Phạm âm
brahmajuṣṭai: mùi vị thanh tịnh
sarva-tra, apratihate: tất cả nơi chốn không có chướng ngại
svāhā: quyết định thành tựu

26/08/2015